



CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 03

Ngày 16 tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

08-12-2023	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện	3
08-12-2023	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư và dừng chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	16
08-12-2023	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	30
08-12-2023	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND thống nhất mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	33
08-12-2023	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024	36

08-12-2023	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND quyết định số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai năm 2024	43
08-12-2023	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về việc thành lập các ấp Suối Trầu, An Bình và Thanh Bình thuộc xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	45
08-12-2023	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic”	48
08-12-2023	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	53
08-12-2023	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026	58

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với
các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện; Báo cáo thẩm tra số 810/BC-BKTNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện.

1. Tổng số dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án là 14 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm).

2. Tổng số dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án là 25 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục II, II.1, II.2 và II.3 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định; chỉ đạo rà soát, có giải pháp khắc phục các nguyên nhân chậm phân bổ vốn,

chậm giải ngân của từng dự án nhằm hoàn thành các dự án theo đúng kế hoạch; đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai một số nhiệm vụ sau:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh:

- Các đơn vị chủ đầu tư dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ bố trí vốn theo Nghị quyết. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có hình thức xử lý theo hợp đồng.

- Các sở, ngành tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án để đảm bảo mặt bằng thi công hoàn thành các dự án của tỉnh.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ bố trí vốn theo Nghị quyết. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và có hình thức xử lý theo hợp đồng.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

- UBND các huyện, thành phố giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của các dự án (*nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng*) để phấn đấu hoàn thành các dự án và đưa vào sử dụng trong năm 2024, phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện dự án theo thẩm quyền nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KÉO DÀI THỜI GIAN BỔ TRÍ VỐN
(Kèm theo Nghị quyết số 35 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Nhóm dự án	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án	Nguyên nhân chậm thực hiện
1	Dự án hệ thống thoát nước khu vực suối Nước Trong huyện Long Thành (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư)	B	Đến năm 2023	Đến năm 2024	Do nguyên nhân khách quan liên quan đến công tác BTGPMB tại địa phương chưa hoàn thành và gặp nhiều khó khăn, các hộ dân chưa chịu bàn giao mặt bằng nên Nhà thầu không thể triển khai thi công theo đúng tiến độ đã ký kết. Hiện nay, UBND huyện Long Thành, Trung tâm PTQĐ huyện Long Thành đang tiếp tục triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của 06 hộ và 01 cơ sở Tôn giáo dài 350 m còn lại của dự án.
2	Dự án kè gia cố bờ sông đoạn từ khu dân cư dọc sông Rạch Cát đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư)	B	Đến năm 2023	Đến năm 2024	Do nguyên nhân khách quan liên quan đến công tác BTGPMB chưa hoàn thành cụ thể đối với 04 hộ dân/250 m dài, các hộ kiến nghị xem xét tái định cư, giá trị bồi thường đất, tài sản nên Nhà thầu không thể triển khai thi công theo đúng tiến độ đã ký kết.
3	Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa và suối Cầu Quan, thành phố Biên Hòa (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư)	B	Đến năm 2023	Đến năm 2024	Do nguyên nhân khách quan liên quan đến công tác BTGPMB chưa hoàn thành và gặp nhiều khó khăn, mặt bằng bàn giao chủ yếu là diện tích sông, suối nên Nhà thầu không thể triển khai thi công theo đúng tiến độ đã ký kết. Hiện nay, UBND TP Biên Hòa, Trung tâm PTQĐ TP Biên Hòa đang triển khai bàn giao mặt bằng và thủ tục bồi thường 106 hộ dân còn lại.
4	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư)	B	Đến năm 2023	Đến năm 2024	Do vướng mặt bằng từ lúc khởi công cho đến ngày 15/4/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa mới bàn giao 100% mặt bằng thi công. Việc chậm trễ trong công tác bàn giao mặt bằng giai đoạn 02 và việc phải chờ Bộ Giao thông vận tải chấp thuận phần hạng mục nằm trong hành lang an toàn đường sắt dẫn đến tiến độ thi công không đạt thời gian quy định, cũng như việc đến nay chưa bàn giao đất giai đoạn III cho chủ đầu tư.

5	Dự án chuyển tiếp: Đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (do Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai làm chủ đầu tư)	C	Đến 2023	Đến năm 2024	Nhà thầu thi công chậm tiến độ
6	Hạ tầng điểm dân cư nông thôn số 6 xã Hiếu Liêm (do UBND huyện Vĩnh Cửu làm chủ đầu tư)	B	2017-2023	Đến năm 2024	Trong quá trình thực hiện dự án có một số hộ dân không đồng ý bán giao mặt bằng, yêu cầu bổ sung giá trị bồi thường, vì vậy không có mặt bằng để tiếp tục triển khai thi công.
7	Nạo vét Rạch Mọi xã Bình Hòa (do UBND huyện Vĩnh Cửu làm chủ đầu tư)	B	2019-2023	Đến năm 2024	Dự án đã thi công hoàn thành, tuy nhiên còn 02 hộ chưa được phê duyệt PABT do chưa có đơn giá đất.
8	Dự án đường Hùng Vương nói dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú (do UBND huyện Tân Phú làm chủ đầu tư)	B	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mặt bằng thi công do chưa thực hiện xong công tác thu hồi đất.
9	Dự án thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi làm chủ đầu tư)	B	Đến 2023	Đến năm 2024	Do nguyên nhân khách quan liên quan đến công tác BTGPMB tại địa phương chưa hoàn thành và gặp nhiều khó khăn, các hộ dân chưa chịu bàn giao mặt bằng, mặt khác đơn giá bồi thường tăng, dẫn đến phải điều chỉnh dự án, kéo dài thời gian thực hiện dự án. Hiện nay, UBND huyện Định Quán, Trung tâm PTQĐ huyện Định Quán đang tiếp tục triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đợt 3 (thuộc hệ thống trạm bơm cấp 2); dự kiến công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024.
10	Trạm bơm Đắc Lua (do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi làm chủ đầu tư)	B	2020-2023	Đến năm 2024	Do nguyên nhân khách quan liên quan đến công tác BTGPMB tại địa phương chưa hoàn thành, do đơn giá bồi thường tăng cao đã làm tăng tổng mức đầu tư dẫn đến điều chỉnh dự án. Ngày 23/8/2023 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2046/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm bơm Đắc Lua, huyện Tân Phú.

11	Chống ngập úng khu vực Suối Cái, thành phố Long Khánh (do UBND thành phố Long Khánh làm chủ đầu tư)	B	2020-2023	Đến năm 2024	Trong quá trình thi công, dự án gặp các khó khăn, vướng mắc, UBND thành phố Long Khánh (Chủ đầu tư) báo cáo cơ quan chủ trì (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tiến hành khảo sát, đề xuất UBND tỉnh Đồng Nai (cấp quyết định đầu tư) các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 2373/UBND-KTN ngày 17 tháng 3 năm 2023. UBND thành phố đề xuất kéo dài thời gian bố trí vốn dự án sang năm 2024. UBND thành phố cam kết thi công hoàn thành dự án trong năm 2024.
12	Dự án xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai (do Công an tỉnh làm chủ đầu tư)	B	Đến năm 2023	Đến năm 2024	- Do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng - Thay đổi thiết kế, định mức xây dựng và biến động tăng về giá nguyên vật liệu, thiết bị
13	Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành (do UBND huyện Long Thành làm chủ đầu tư)	B	Đến năm 2023	Đến năm 2024	Do nguyên nhân khách quan liên quan đến công tác BT GPMB chưa hoàn thành và điều chỉnh thiết kế cơ sở theo quy hoạch chung điều chỉnh, cụ thể như sau: - Giai đoạn 2 về công tác giải phóng mặt bằng của dự án đến nay chưa hoàn thành, diện tích giải phóng mặt bằng chỉ đạt 95% khối lượng thực hiện. - Giai đoạn 3 của dự án đang tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và điều chỉnh thiết kế cơ sở giai đoạn 3 theo quy hoạch điều chỉnh 1/5000 thị trấn Long Thành, giai đoạn 3 đang thực hiện điều chỉnh thiết kế cơ sở để triển khai thi công và thực hiện GPMB.
14	Dự án hồ Cà Ròn xã Gia Canh (Mã dự án: 7161160, do UBND huyện Định Quán làm chủ đầu tư)	B	2020-2023	Đến năm 2024	Dự án hiện tạm dừng thi công do vướng giải phóng mặt bằng 49,66 ha đất quy hoạch đất rừng phòng hộ. UBND huyện đã có báo cáo và được UBND tỉnh cho chủ trương lập hồ sơ trình thủ tướng Chính phủ chuyển đổi 49,66 ha đất quy hoạch đất rừng phòng hộ sang đất quy hoạch thủy lợi để tiếp tục thi công dự án. Hiện UBND huyện đang tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tuyên đập chính (ngoài diện tích 49,66 ha) và tổng hợp hồ sơ trình chuyển đổi quy hoạch đất rừng phòng hộ

Phụ lục II
TỔNG HỢP SỐ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
KÉO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN ĐẾN NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên đơn vị	Số dự án sử dụng ngân sách cấp huyện kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm 2024
	TỔNG CỘNG	25
1	Huyện Trảng Bom	8
2	Thành phố Biên Hòa	15
3	Huyện Vĩnh Cửu	2

UBND HUYỆN TRẢNG BOM

Phụ lục II.1

DANH MỤC DỰ ÁN KÈO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Nhóm DA	Tổng mức đầu tư	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án	Nguyên nhân chậm thực hiện
I	DỰ ÁN DO UBND TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (NGÂN SÁCH HUYỆN BỐ TRÍ VỐN ĐỐI ƯNG)					
1	Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc xã Bình Minh	Nhóm C		2017-2023 (đã được chấp thuận kéo dài thời gian đến hết năm 2023)	Đến hết năm 2024	<ul style="list-style-type: none"> - Do chậm hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi theo ý kiến thẩm định của các Sở ngành (điều chỉnh tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện của dự án). - Công tác thẩm định giá đất có khó khăn, do cần thời gian để sắp xếp, cũng có nhân sự để thành lập Hội đồng thẩm định giá đất của huyện.
2	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo)	Nhóm B		2018-2023 (đã được chấp thuận kéo dài thời gian đến hết năm 2023)	Đến hết năm 2024	<ul style="list-style-type: none"> - Vương mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cụ thể còn 26/66 trường hợp vướng mắc, trong đó 13 trường hợp đã nhận tiền nhưng chưa bàn giao mặt bằng, 11 trường hợp chưa nhận tiền chưa bàn giao mặt bằng và 02 trường hợp chưa phê duyệt phương án bồi thường; Nguyên nhân chủ yếu là do có một số trường hợp có ý kiến đề nghị bố trí tái định cư, có ý kiến chờ các hộ liên hệ giải tỏa sẽ giải tỏa, đang xây nhà tại khu tái định cư, chờ giao tái định cư đang tháo dỡ nhà, vướng mắc trong việc tính toán khấu trừ nghĩa vụ tài chính vào tiền bồi thường và diện xác định loại đất để bồi thường.v.v... - Đang phối hợp với các sở, ngành của tỉnh trong việc điều chỉnh tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện của dự án.
II	DỰ ÁN DO UBND HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ					

1	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL1A - Đường song hành Nguyễn Hữu Cảnh)	Nhóm C		2018-2023 (đã được chấp thuận kéo dài thời gian đến hết năm 2023)	Đến hết năm 2024	<p>- Vương mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do vướng nguồn gốc đất cao su. Đang xin ý kiến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>
2	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	Nhóm C		2018-2023 (đã được chấp thuận kéo dài thời gian đến hết năm 2023)	Đến hết năm 2024	<p>- Vương mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cụ thể còn 07/62 trường hợp chưa bàn giao mặt bằng; trong đó có 01 trường hợp hiện đang làm thủ tục ban hành Quyết định giao đất tái định cư, sau khi giao đất sẽ bàn giao mặt bằng, 06 trường hợp còn lại chưa đồng ý bàn giao mặt bằng.</p> <p>- Hiện nay, đang tổ chức công tác vận động đối với 06 hộ dân nêu trên. Sau khi kết thúc công tác vận động, trường hợp các hộ dân vẫn không đồng thuận bàn giao mặt bằng, UBND huyện sẽ chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tham mưu xây dựng kế hoạch thu hồi đất bằng biện pháp hành chính theo quy định.</p>
3	Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường Cao su)	Nhóm C		2020-2023 (đã được chấp thuận kéo dài thời gian đến hết năm 2023)	Đến hết năm 2024	<p>- Vương mắc trong công tác xác định nguồn gốc đất; chờ hướng dẫn của UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh đối với trường hợp có nguồn gốc đất cao su.</p>
4	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nhóm B		2019-2023	Đến hết năm 2024	<p>- Vương mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cụ thể đến nay dự án còn 32/187 trường hợp chưa bàn giao mặt bằng. Nguyên nhân chủ yếu là do có vướng mắc về nguồn gốc đất và tài sản, một số trường hợp không đồng ý với mức khấu trừ theo bảng giá đất năm 2020 mà có ý kiến khấu trừ theo giá đất năm 2019, có khiếu nại về vị trí được giao đất tái định cư tại Khu 5,3 ha.v.v...</p>
5	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	Nhóm C		2021-2023	Đến hết năm 2024	<p>- Công tác rà soát, ban hành văn bản hủy bỏ kế hoạch và thông báo thu hồi đất cũ năm 2018 chưa kịp thời.</p>

6	Đường N1 (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	Nhóm C	2021-2023	Đến hết năm 2024	<p>- Công tác rà soát, ban hành văn bản hủy bỏ kế hoạch và thông báo thu hồi đất cũ năm 2018 chưa kịp thời.</p> <p>- Vướng mắc liên quan đến ranh mốc thu hồi đất của dự án, cụ thể ranh dự án phía Bắc bị chồng lấn vào các lô đất của khu dân cư Đình Thuận từ 0,4 m đến 0,6 m. Hiện nay đang rà soát, tổng hợp để báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đo đạc lại toàn bộ các dự án trong khu vực để xác định nguyên nhân sai lệch giữa Bản đồ và thực địa.</p>
---	---	--------	-----------	------------------	---

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Phụ lục II.2

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Nhóm DA	Tổng mức đầu tư	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án	Nguyên nhân chậm thực hiện
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa (quy mô 4,2 ha)	C	110.000	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án có 65 hộ giải tỏa. Hiện nay đã bàn giao mặt bằng với diện tích 2,45 ha/4,2 ha (21/65 hộ) đã nhận tiền và di dời, còn lại các hộ đang khiếu nại khiếu kiện và xem xét bố trí tái định cư.
2	Xây dựng mở rộng chợ Hóa An, thành phố Biên Hòa	C	80.200	2020-2023	Đến năm 2024	Hồ sơ đã phê duyệt. Tuy nhiên do vướng mắc bồi thường giải phóng mặt bằng, các hộ dân chưa đồng thuận nhận tiền bàn giao mặt bằng, nên chưa thể khởi công xây dựng công trình.
3	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp (9,4 ha)	B	715.544	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Dự án được phân kỳ đầu tư trước giai đoạn I - 6,2 ha đã có mặt bằng. Diện tích còn lại 3,2 ha sẽ tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng khi hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.
4	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa	B	825.796	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, còn nhiều hộ dân chưa đồng thuận nhận tiền bồi thường. Tỷ lệ dân nhận tiền đạt 51,6% (73 hộ dân nhận số tiền tương đương 235,4 tỷ đồng) với lý do giá bồi thường thấp so với giá thị trường. Thu hồi đất chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án, kéo dài thời gian thực hiện dự án.
5	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất	C	52.000	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Có 65 hộ giải tỏa (50 hộ giải tỏa trắng - GTT). Hiện nay đã bàn giao mặt bằng với diện tích 2.523 m ² (24/65 hộ) đã nhận tiền và di dời, còn lại các hộ do diện tích nhà đất nhỏ đang được đoàn công tác thành phố kiểm tra hiện trạng xem xét bố trí tái định cư.

6	Trường THCS Ngô Nhom Tinh thành phố Biên Hòa	B	104.202	2020-2023	Đến năm 2024	Chưa hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, các hộ dân không đồng ý nhận tiền bồi thường và chưa bàn giao mặt bằng. Tổng số hộ bị giải tỏa là 32 hộ + 02 tổ chức (16 hộ GTT). 27/34 hộ đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, đã nhận tiền 14/27 và đã bàn giao mặt bằng được 2.560 m ²
7	Xây dựng Trường TH Phan Đăng Lưu, thành phố Biên Hòa	B	70.725	2020-2023	Đến năm 2024	Chưa hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, các hộ dân không đồng ý nhận tiền bồi thường và chưa bàn giao mặt bằng. Tổng số hộ giải tỏa là 30 hộ GTT, đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường 30/30 hộ (17 hộ đã nhận tiền), các hộ dân chưa bàn giao mặt bằng và đang xét tái định cư.
8	Xây dựng Trường TH Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa	B	116.000	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Các hộ dân không đồng thuận và không nhận tiền (đã phê duyệt phương án bồi thường được 22/32 hộ), các hộ dân mua bán sang tay nhiều nên chưa thể hoàn thành công tác bồi thường.
9	Trường Tiểu học Long Bình 1	B	190.000	2020-2023	Đến năm 2024	Do điều chỉnh chủ trương đầu tư và phân kỳ đầu tư, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.
10	Mở rộng Trường THCS Hòa Hưng tại phường An Hòa	C	10.795	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Các hộ dân không đồng thuận và không nhận tiền
11	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực Quốc lộ 51 và khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân	C	88.580	2020-2023	Đến năm 2024	Do điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi. Khởi công trong thời gian mưa, bão gây chậm tiến độ hoàn thành công trình
12	Xây dựng Trường THCS Tân Hạnh	B	93.362	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
13	Xây dựng mới đường vào Trường THCS Tân Hiệp	C	11.593	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Hiện đang thi công cuốn chiếu khi nhận được mặt bằng.
14	Xây dựng đường vào Trường Mầm non Tân Tiến và Tiểu học Tân Tiến A	C	40.000	2020-2023	Đến năm 2024	Công trình đã triển khai thi công, do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên kéo dài đến sang năm 2024 hoàn thành công trình.
15	Trường Mầm non Tân Phong	C	39.400	2020-2023	Đến năm 2024	Vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Nên dự án triển khai thi công chậm kéo dài sang năm 2024.

UBND HUYỆN VINH CỬU

Phụ lục II.3
DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN BỎ TRÍ VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Nhóm DA	Tổng mức đầu tư	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án	Nguyên nhân chậm thực hiện
1	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT 768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762)	C	14.011	2021-2023	Đến năm 2024	Dự án đã thi công đạt 93%, tuy nhiên công tác bồi thường, GPMB chưa thực hiện được do chưa có đơn giá đất BT.
2	Công trình Quốc phòng (Căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật kết hợp khu thao trường huấn luyện) huyện Vĩnh Cửu	B	143.592	2020-2023	Đến năm 2024	Trong quá trình thực hiện dự án có một số hộ dân không đồng ý bàn giao mặt bằng, yêu cầu bổ sung giá trị bồi thường, vì vậy không có mặt bằng để tiếp tục triển khai thi công.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư và dừng chủ trương đầu tư
một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư và dừng chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 817/BC-BKTNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B, cụ thể như sau:

1. Dự án xây dựng các tuyến đường trong nội bộ Khu 1 - Khu đô thị thương mại dịch vụ Biên Hòa 1.
2. Dự án xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự.
3. Dự án Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2028.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II và III kèm theo)

Điều 2. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B, cụ thể như sau:

1. Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh.

2. Dự án đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú.
3. Dự án đường Hùng Vương nối dài, huyện Tân Phú.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V và VI kèm theo)

Điều 3. Quyết định dừng chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm C

Dừng chủ trương đầu tư dự án hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Phụ lục I
DỰ ÁN XÂY DỰNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG NỘI BỘ KHU 1 -
KHU ĐÔ THỊ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BIÊN HÒA 1

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

1. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng các tuyến đường nội bộ trong Khu 1 - Khu đô thị thương mại dịch vụ Biên Hòa 1 (các tuyến đường Số 2, đường Số 12 và một đoạn đường Số 11) nhằm từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng, giao thông đô thị của thành phố Biên Hòa và tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác quỹ đất vùng phụ cận dự án làm cơ sở huy động nguồn lực để tái đầu tư trên địa bàn thành phố Biên Hòa nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung.

2. Quy mô đầu tư: Công trình giao thông (đường đô thị), cấp II. Vận tốc thiết kế 50 km/h.

Đầu tư xây dựng các tuyến đường gồm: Đường Số 2 với chiều dài khoảng 970m, lộ giới 24 m (vía hè mỗi bên 6 m, mặt đường 12 m); đường Số 11 (đoạn từ đường Số 2 đến đường Số 1) với chiều dài khoảng 262 m, lộ giới 24 m (vía hè mỗi bên 6 m, mặt đường 12 m); đường Số 12 với chiều dài khoảng 965 m, lộ giới 24 m (vía hè mỗi bên 6m, mặt đường 12 m).

Đầu tư hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, hào kỹ thuật. Xây dựng tuyến cống hộp dài khoảng 220 m trên đường Trần Quốc Toản (hiện hữu) để thoát nước.

3. Nhóm dự án: dự án nhóm B.

4. Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 318,138 tỷ đồng. Cụ thể: Chi phí xây dựng và thiết bị khoảng 142,793 tỷ đồng; chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 21,419 tỷ đồng; chi phí dự phòng khoảng 63,505 tỷ đồng; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khoảng 90,421 tỷ đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: ngân sách tỉnh.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2024 - 2027

8. Tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 04 năm (2024 - 2027), dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030.

9. Nội dung khác:

Thông nhất về chủ trương cho phép lập đề án khai thác quỹ đất phụ cận dự án (05 khu) với diện tích khoảng 36 ha tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa (kèm theo hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án). Đề nghị UBND tỉnh tổ chức thực hiện lập và trình duyệt Đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP của Chính phủ,

trong đó rà soát về cơ sở pháp lý, xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện di dời các doanh nghiệp và thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch đô thị và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo tái định cư trước khi thu hồi đất và có phương án di dời các doanh nghiệp phù hợp, tránh trường hợp khiếu kiện, khiếu nại kéo dài của các tổ chức, cá nhân./.

Phụ lục II
DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH TÁC CHIẾN
QUẢN LÝ AN NINH TRẬT TỰ
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng Trung tâm thông tin chỉ huy hiện đại, phục vụ hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung, có khả năng kết nối nguồn dữ liệu từ các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ; kết nối đến cơ sở dữ liệu dân cư do Bộ Công an triển khai; có khả năng kết nối đến cơ sở dữ liệu của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hỗ trợ lực lượng nghiệp vụ trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi khủng bố, bạo loạn lật đổ chính quyền; các băng nhóm tội phạm (trộm cắp, cướp giết, đối tượng tình nghi,...); các biểu hiện tụ tập đông người; các đám cháy, khói xảy ra trên địa bàn tỉnh; truy vết, phát hiện và xử lý các hành vi, phương tiện giao thông (đua xe trái phép, mất cắp, cướp giết, vi phạm trật tự an toàn giao thông,...); phát hiện, cung cấp dữ liệu để xử lý các hành vi vi phạm an toàn giao thông.

Hệ thống là một công cụ hữu hiệu hỗ trợ giúp lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; đồng thời, giúp lãnh đạo Công an trong công tác quản lý, điều hành; hỗ trợ cán bộ, chiến sĩ công an trong công tác nghiệp vụ ngành, tham mưu cho cấp lãnh đạo quyết định điều hành một cách kịp thời, chính xác.

2. Quy mô đầu tư:

- Hợp phần I: Xây dựng hệ thống camera chuyên dụng với chức năng giám sát, nhận dạng, thu thập dữ liệu các phương tiện, bảng số xe, nhận dạng đối tượng.

- Hợp phần II: Xây dựng Trung tâm dữ liệu nghiệp vụ ngành nhằm lưu trữ cơ sở dữ liệu ngành Công an tỉnh Đồng Nai, dữ liệu đã xử lý thu thập từ các nguồn camera.

- Hợp phần III: Xây dựng hệ thống Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai với chức năng giám sát hình ảnh, thu thập thông tin, điều hành chỉ huy trong các tình huống về an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, biểu tình, bạo loạn.

- Hợp phần IV: Đầu tư nâng cấp trang thiết bị cho các phòng giám sát hình ảnh, phòng máy chủ tại trụ sở Công an tỉnh và các huyện, thành phố có vị trí đặc thù, trọng điểm của tỉnh, nhằm thiết lập vùng biên (vùng E) để tăng cường khả năng lưu trữ, xử lý, thu thập dữ liệu các hạ tầng, thiết bị camera xã hội hóa sẵn có trên địa bàn.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B

4. Tổng mức đầu tư: 796,921 tỷ đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

6. Địa điểm thực hiện dự án: tỉnh Đồng Nai.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2024 - 2027

8. Tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 04 năm (2024 - 2027), dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030.

9. Nội dung khác:

Trong quá trình phê duyệt đầu tư dự án, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát quy mô đầu tư dự án để tránh trùng lắp các hạng mục với dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh đang xây dựng, đảm bảo khả năng kết nối, tận dụng các nguồn dữ liệu camera hiện có (như camera tại các bến xe, camera giao thông...) và triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo quy định./.

Phụ lục III
DỰ ÁN NÂNG CẤP TRUNG TÂM DỮ LIỆU TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN ĐẠI,
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2028
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Mục tiêu đầu tư

- Trung tâm dữ liệu mới sẽ có khả năng đáp ứng nhu cầu về hạ tầng dữ liệu cho các ứng dụng, dịch vụ mới của tỉnh trong giai đoạn chuyển đổi số 2023 - 2028, bao gồm điện toán đám mây, Big Data, AI, IoT, SOC,...
- Đảm bảo tính hiện đại: Đầu tư các thiết bị mới, hiện đại, sử dụng công nghệ mới.
- Nâng cao khả năng sẵn sàng cao của hệ thống: Trung tâm dữ liệu mới sẽ được xây dựng theo tiêu chuẩn Tier III, có thiết kế dạng module, dễ dàng di chuyển, thay thế, mở rộng, hệ thống hoạt động ổn định thông suốt.
- Tăng cường tính bảo mật của hệ thống: Trung tâm dữ liệu mới sẽ được trang bị các hệ thống bảo mật hiện đại, đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin.
- Tiết kiệm chi phí vận hành và bảo trì: Trung tâm dữ liệu mới sẽ được sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, giúp tiết kiệm chi phí vận hành và bảo trì; sử dụng các công nghệ tự động hóa trong quản trị, vận hành giúp tối ưu hệ thống và tài nguyên, nâng cao hiệu quả sử dụng.

2. Quy mô đầu tư

- Về hạ tầng Trung tâm dữ liệu và các tủ rack: đầu tư tủ rack và hạ tầng Trung tâm dữ liệu với thiết kế dạng module đạt Tier III trở lên tích hợp sẵn các thành phần hạ tầng của Trung tâm dữ liệu như phòng cháy chữa cháy, máy làm lạnh, giám sát môi trường, giám sát an ninh, máng cáp, tủ điện, thiết bị cắt lọc sét, tiếp địa; Trung tâm dữ liệu có thể dễ dàng di chuyển, linh động, triển khai nhanh mà không mất thời gian xây dựng, tốn nhiều diện tích; không gian Trung tâm dữ liệu có thể phục vụ lên tới 10 tủ rack máy chủ và thiết bị mạng.
- Về nguồn điện: Đầu tư biến áp, hệ thống UPS và máy phát điện để cung cấp nguồn điện chính và nguồn dự phòng cho TTDL ở địa điểm mới.
- Về hệ thống mạng: Đầu tư các thiết bị mạng (Router, Switch, tường lửa) hiện đại, có khả năng xử lý những luồng dữ liệu lớn, tốc độ cao, đáp ứng mô hình chuyển đổi IPv6 và yêu cầu về an toàn thông tin.
- Về hệ thống lưu trữ, sao lưu, máy chủ, DNS, giải pháp ảo hóa: Đầu tư các hệ thống lưu trữ, sao lưu, máy chủ, DNS, giải pháp ảo hóa mới, hiện đại, có hiệu năng cao và sử dụng công nghệ mới đáp ứng nhu cầu triển khai các hệ thống, dịch vụ dùng chung của tỉnh giai đoạn 2023 - 2028.
- Về hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng: Đầu tư các hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng hiện đại, đáp ứng nhu cầu giám sát, bảo vệ hệ thống thông tin trong Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

- Về quản trị, vận hành, khai thác: Đầu tư các giải pháp quản trị tập trung, các giải pháp tự động hóa việc quản trị, vận hành, khai thác các thành phần trong Trung tâm dữ liệu để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên hệ thống, đảm bảo an toàn, tối ưu hệ thống.

- Về di dời hệ thống hiện hữu sang Trung tâm dữ liệu mới: Thực hiện di dời toàn bộ thiết bị của các hệ thống đang đặt tại Trung tâm dữ liệu hiện hữu sang Trung tâm dữ liệu mới đảm bảo không làm gián đoạn dịch vụ và yêu cầu an toàn thông tin.

- Về đào tạo, hướng dẫn sử dụng: tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng cho đội ngũ vận hành và quản lý Trung tâm dữ liệu.

Các hệ thống đang đặt tại Trung tâm dữ liệu hiện hữu (Trung tâm Viễn thông 1 - Viễn thông Đồng Nai, số 01, đường 30/4, thành phố Biên Hòa) sẽ tiếp tục được duy trì và làm dự phòng một phần cho hệ thống mới. Các hệ thống này sẽ được di dời qua Trung tâm dữ liệu mới. Toàn bộ hệ thống mới đầu tư sẽ được đặt trong các tủ rack của module Trung tâm dữ liệu mới và được đặt tại địa điểm mới có địa chỉ số 395, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư: 120 tỷ đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai, số 395, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2024 - 2027

8. Tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 04 năm (2024 - 2027), dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

9. Nội dung khác:

Đề nghị UBND tỉnh có giải pháp triển khai thực hiện dự án đảm bảo hiệu quả và phù hợp theo quy định, trong đó lưu ý việc kết nối dữ liệu đảm bảo đồng bộ, liên tục, bảo mật để phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh./.

Phụ lục IV**DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 1, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH***(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND**ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

I. Nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt (Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 và điều chỉnh tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

1. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giải quyết áp lực về giao thông cho thành phố Long Khánh, góp phần hoàn thiện trục vành đai bao quanh nội đô thành phố, tạo tiền đề mở rộng đô thị hóa thành phố về các vùng ven, tạo điểm nhấn và mỹ quan cho đô thị Long Khánh, thúc đẩy sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội của thành phố Long Khánh.

2. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Đường giao thông trong đô thị, cấp II, vận tốc thiết kế 50 km/h.

- Nội dung đầu tư: Xây dựng đường Vành đai 1 với chiều dài khoảng 4.400 m, điểm đầu tuyến giao với đường Quốc lộ 1 (tại lý trình Km1823+800 ngay trạm xăng dầu Suối Tre), điểm cuối tuyến giao với đường Quốc lộ 1 (tại lý trình Km1813+500). Kết cấu bê tông nhựa nóng, nền rộng 45 m, mặt đường 14 m, vỉa hè mỗi bên rộng 6 m, trồng cây xanh ở giữa rộng 19 m. Xây dựng cầu vượt tuyến đường sắt Bắc - Nam, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông.

3. Địa điểm: Phường Suối Tre, phường Bàu Sen, phường Phú Bình, thành phố Long Khánh.

4. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: dự kiến từ năm 2021 với tiến độ thực hiện tối đa 04 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

5. Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 1.082 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 526,35 tỷ đồng, chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 78,33 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 384,61 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 92,71 tỷ đồng).

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương là 500 tỷ, phần còn lại đầu tư từ ngân sách tỉnh.

7. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

8. Các vấn đề lưu ý trong quá trình tổ chức lập dự án và các nội dung liên quan:

- Có giải pháp, phương án, tổ chức triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, cho các hộ dân của dự án theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định trước khi trình duyệt hồ sơ dự án.

- Thực hiện rà soát lại các quy hoạch có liên quan để khai thác quỹ đất dọc hai bên đường, giải pháp thực hiện làm cơ sở để xem xét bố trí vốn đầu tư thực hiện dự án.

II. Nội dung điều chỉnh:

5. Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 1.458,382 tỷ đồng (trong đó chi phí xây dựng khoảng 526,350 tỷ đồng; chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 78,33 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 760,992 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 92,710 tỷ đồng)./.

Phụ lục V**DỰ ÁN ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH, HUYỆN TÂN PHÚ***(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND**ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)***I. Nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt (Nghị quyết 193/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**

1. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Đầu tư đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú theo quy hoạch của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân trong khu vực có thể an tâm định canh, định cư ổn định cuộc sống lâu dài. Mặt khác đáp ứng nhu cầu giao thông trong khu vực, góp phần đảm bảo thoát nước chung cho toàn khu vực thị trấn. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa cho khu vực.

2. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B. Công trình đường trong đô thị, đường ô tô cấp III (theo tiêu chuẩn phân cấp theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016).

Nội dung đầu tư gồm: Xây dựng đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú chiều dài tuyến khoảng 1.045 m. Điểm đầu tuyến giao với đường Quốc lộ 20, điểm cuối tuyến giao đường Lê Đại Hành (đường quy hoạch). Đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, đường phố gom, vận tốc thiết kế 50 km/h. Theo quy hoạch bề rộng mặt đường 9 m, vỉa hè rộng 5 m x 2 = 10 m, nền đường rộng 19 m. Các hạng mục đầu tư gồm: Đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh và hệ thống an toàn giao thông.

3. Địa điểm: Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến: Khoảng 120,938 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường giải tỏa khoảng 53 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 10,92 tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Thời gian thực hiện dự án: Tối đa 05 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

7. Chủ đầu tư: UBND huyện Tân Phú.

8. Một số vấn đề lưu ý khi lập hồ sơ dự án

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường đảm bảo đủ điều kiện trình và duyệt dự án đầu tư.

- Có giải pháp, phương án tổ chức triển khai công tác bồi thường, giải tỏa, tái định cư cho các hộ dân (nếu có) theo quy định, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

- Xây dựng tuyến đường đảm bảo các yếu tố kỹ thuật, kiến tạo cảnh quan đô thị, đảm bảo thoát nước, chống ngập úng cục bộ.

- Tính tổng mức vốn đầu tư của dự án đảm bảo không lớn hơn so với suất đầu tư được công bố theo thông báo chỉ số giá xây dựng của cấp có thẩm quyền

II. Nội dung điều chỉnh:

4. Tổng mức vốn đầu tư: khoảng 150,135 tỷ đồng. Cụ thể: chi phí xây dựng khoảng 52,901 tỷ đồng; chi phí thiết bị khoảng 0,648 tỷ đồng; chi phí tư vấn, quản lý dự án và chi phí khác khoảng 5,266 tỷ đồng; chi phí dự phòng khoảng 13,649 tỷ đồng; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khoảng 77,671 tỷ đồng./.

Phụ lục VI
DỰ ÁN ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG NỔI DÀI, HUYỆN TÂN PHÚ
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. Nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt (Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư: Xây dựng đường Hùng Vương nổi dài huyện Tân Phú nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị theo quy hoạch của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để người dân trong khu vực có thể an tâm định canh, định cư, ổn định cuộc sống lâu dài. Mặt khác đáp ứng nhu cầu giao thông trong khu vực, góp phần giảm thiểu lưu lượng giao thông trên tuyến đường Tà Lài và đường Nguyễn Hữu Cảnh để chống ùn tắc giao thông vào thời điểm công nhân Khu công nghiệp Tân Phú đi làm cũng như tan ca, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa cho khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho thị trấn chỉnh trang đô thị.

2. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B, đường ô tô trong đô thị cấp IV. Gồm:

Xây dựng mới tuyến đường dài khoảng 2.000 m. Điểm đầu tuyến giáp với đường Nguyễn Thượng Hiền và đường Hùng Vương (đoạn qua Khu tái định cư B, C), điểm cuối tuyến giáp đường D3 (đường quy hoạch). Mặt đường rộng 10,5 m, kết cấu bê tông nhựa nóng; vỉa hè mỗi bên rộng 6m kết cấu bê tông đá 1x2 (có trồng cây xanh trên vỉa hè); nền đường rộng 22,5 m. Mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 133 Mpa, vận tốc thiết kế 50 km/h.

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa.

Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng.

3. Địa điểm đầu tư: Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: Khoảng 91,6 tỷ đồng (chi phí xây dựng khoảng 34,4 tỷ đồng, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 43 tỷ đồng, các chi phí khác khoảng 6 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 8,2 tỷ đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Tiến độ triển khai dự án: Tối đa 5 năm kể từ khi được bố trí vốn thực hiện dự án.

7. Các vấn đề cần lưu ý khi lập hồ sơ dự án

- Báo cáo rõ về số nhân khẩu bị ảnh hưởng, phương án tái định cư; tính hiệu quả kinh tế của dự án đảm bảo theo quy định của khoản 5 Điều 18 Luật Đầu tư công; so sánh tổng mức đầu tư của dự án với suất đầu tư được công bố theo thông báo chỉ số giá xây dựng của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của Luật Đất đai.

- Đảm bảo hiệu quả của dự án theo hồ sơ đề xuất chủ trương lập.

II. Nội dung điều chỉnh:

4. Tổng mức vốn đầu tư: Khoảng 155,808 tỷ đồng (trong đó: Chi phí xây dựng khoảng 35,482 tỷ đồng; chi phí tư vấn, quản lý dự án, chi phí khác và các chi phí còn lại khoảng 3,63 tỷ đồng, chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khoảng 102,532 tỷ đồng, chi phí dự phòng khoảng 14,164 tỷ đồng).

6. Thời gian thực hiện dự án: năm 2019 - 2024./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Thông nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 840/BC-BKTNS ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp bằng 1 ($K = 1$).
2. Đối với trường hợp khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính có vị trí tiếp giáp từ hai (02) mặt tiền đường trở lên (đường có tên trong Bảng giá đất), thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất tại khoản 1 điều này.

Thời gian áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo thẩm quyền và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông nhất mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa
sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết thống nhất mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 807/BC-BKTNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất mức miễn tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Nghị quyết thống nhất mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc các lĩnh vực sau: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và đủ điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Mức miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại khu vực đô thị (đã được giải phóng mặt bằng) được áp dụng như sau:

a) Đối với các phường thuộc khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa (các phường: Thanh Bình, Hòa Bình, Quang Vinh, Trung Dũng, Thống Nhất, Quyết Thắng, Tân Tiến): 08 năm.

b) Đối với các phường còn lại thuộc thành phố Biên Hòa: 10 năm.

c) Đối với các phường thuộc thành phố Long Khánh: 12 năm.

d) Đối với thị trấn thuộc các huyện: 14 năm.

4. Riêng đối với cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo thì được kéo dài thời gian miễn tiền thuê đất thêm 05 năm so với thời gian tại khoản 3 Điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành Quy định về mức miễn tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; thực hiện công khai công bố theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này;

phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 ngày 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quy định số 19-QĐ/TU ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế trong hệ thống chính trị của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1439-QĐ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập và số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp

giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 837 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2024 là: 2.979 chỉ tiêu (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024 là: 42.448 chỉ tiêu (Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024 là 1.827 chỉ tiêu (Phụ lục kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc đối với từng cơ quan của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở nhu cầu, tình hình quản lý biên chế công chức, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu biên chế các đơn vị, địa phương trong phạm vi Đề án tỉnh giản biên chế sau khi thu hồi theo lộ trình hoặc kiện toàn tổ chức bộ máy.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

PHỤ LỤC I

**DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN
CỦA HĐND, UBND CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG	2.979	
A	CẤP TỈNH	1.435	
I	Cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh	35	
1	Thường trực HĐND tỉnh	8	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	27	
II	Ủy ban nhân dân tỉnh	5	
1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	5	
III	Khối sở, ban, ngành	1.395	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	
2	Sở Tài chính	79	
3	Sở Y tế	75	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	80	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51	
6	Sở Công Thương	54	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	55	
8	Sở Ngoại vụ	26	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	245	
10	Sở Nội vụ	84	
11	Thanh tra tỉnh	35	
12	Sở Giao thông vận tải	108	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	63	
14	Sở Tư pháp	35	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	45	
16	Sở Xây dựng	66	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	30	
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	103	

19	Ban Dân tộc	18	
20	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	20	
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	59	
B	CẤP HUYỆN	1.544	
1	Thành phố Biên Hòa	194	
2	Huyện Định Quán	133	
3	Huyện Cẩm Mỹ	129	
4	Thành phố Long Khánh	136	
5	Huyện Long Thành	149	
6	Huyện Nhơn Trạch	131	
7	Huyện Tân Phú	123	
8	Huyện Thống Nhất	137	
9	Huyện Trảng Bom	148	
10	Huyện Vĩnh Cửu	132	
11	Huyện Xuân Lộc	132	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**PHỤ LỤC II
DANH SÁCH PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG
TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Trường Đại học Đồng Nai	359	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	71	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	92	
4	Trường Cao đẳng Y tế	71	
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	255	
6	Nhà Thiếu nhi	16	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	282	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	304	
9	Sở Giao thông vận tải	54	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	190	
11	Văn phòng UBND tỉnh	27	
12	Sở Công Thương	26	
13	Sở Tư pháp	30	
14	Sở Nội vụ	15	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	28	
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	9	
17	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	18	
19	Sở Y tế	4.783	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.315	
20	Thành phố Biên Hòa	7309	
21	Thành phố Long Khánh	2.071	
22	Huyện Cẩm Mỹ	2.149	
23	Huyện Định Quán	2.787	
24	Huyện Long Thành	2.301	
25	Huyện Nhơn Trạch	2.328	

26	Huyện Tân Phú	2.359	
27	Huyện Thống Nhất	2.171	
28	Huyện Trảng Bom	3.030	
29	Huyện Vĩnh Cửu	1.890	
30	Huyện Xuân Lộc	2.963	
31	Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai	145	
Tổng		42.448	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****PHỤ LỤC III
SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TẠI
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Sở GD&ĐT	64	
2	UBND TP. Biên Hòa	317	
3	UBND TP. Long Khánh	143	
4	UBND huyện Trảng Bom	300	
5	UBND huyện Long Thành	245	
6	UBND huyện Thống Nhất	103	
7	UBND huyện Định Quán	63	
8	UBND huyện Tân Phú	85	
9	UBND huyện Nhơn Trạch	206	
10	UBND huyện Cẩm Mỹ	47	
11	UBND huyện Xuân Lộc	86	
12	UBND huyện Vĩnh Cửu	168	
	Tổng	1.827	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT**Quyết định số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động
không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố
thuộc tỉnh Đồng Nai năm 2024****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 1439-QĐ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 838/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với 11 huyện, thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng giao	
		Cán bộ, công chức cấp xã (người)	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã (người)
1	Thành phố Biên Hòa	931	661
2	Thành phố Long Khánh	344	213

3	Huyện Long Thành	339	227
4	Huyện Nhơn Trạch	301	205
5	Huyện Trảng Bom	433	297
6	Huyện Vĩnh Cửu	269	173
7	Huyện Xuân Lộc	363	243
8	Huyện Cẩm Mỹ	285	181
9	Huyện Thống Nhất	225	145
10	Huyện Định Quán	352	240
11	Huyện Tân Phú	393	249
Tổng cộng		4.235	2.834

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHI QUYẾT
Về việc thành lập các ấp Suối Trầu, An Bình và Thanh Bình
thuộc xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Sau khi xem xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập ấp thuộc xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 838/BC-BPC ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định thành lập các ấp Suối Trầu, An Bình và Thanh Bình thuộc xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (từ việc chia tách ấp Thanh Bình), cụ thể như sau:

1. Ấp Suối Trầu

- Diện tích: 121,81 ha, dân số: 690 hộ, 1.949 nhân khẩu (được quy hoạch 2.659 hộ, quy mô dân số 10.684 người).

- Vị trí địa lý của ấp Suối Trầu:

+ Phía Đông giáp xã Bình Sơn.

- + Phía Tây giáp ấp An Bình.
- + Phía Nam giáp xã Long An.
- + Phía Bắc giáp ấp Thanh Bình.

2. Ấp An Bình

- Diện tích: 200,05 ha, dân số: 780 hộ, 2.581 nhân khẩu (được quy hoạch 3.789 hộ, quy mô dân số 15.156 người).

- Vị trí địa lý của ấp An Bình
- + Phía Đông giáp ấp Suối Trầu.
- + Phía Tây giáp ấp Thanh Bình và ấp Bình Lâm.
- + Phía Nam giáp xã Long An.
- + Phía Bắc giáp ấp Thanh Bình.

3. Ấp Thanh Bình

- Diện tích: 1.094,77 ha, dân số: 779 hộ, 2.107 nhân khẩu.

- Vị trí địa lý của ấp Thanh Bình
- + Phía Bắc giáp xã Long Đức;
- + Phía Nam giáp ấp Suối Trầu và ấp An Bình;
- + Phía Đông giáp xã Bình An và xã Bình Sơn;
- + Phía Tây giáp xã Long Đức;
- + Phía Tây Nam giáp ấp Bình Lâm.

Sau khi thành lập 02 ấp mới (ấp Suối Trầu và ấp An Bình), xã Lộc An có 06 ấp (tăng 02 ấp), toàn huyện Long Thành có 90 ấp, khu phố (tăng 02 ấp), tỉnh Đồng Nai có 936 ấp, khu phố (tăng 02 ấp).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nội dung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hoạt động hiệu quả của các ấp sau khi điều chỉnh, thành lập theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Xét Tờ trình số 774/TTr-HĐND ngày 23/11/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic”; và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic”.

Thành phần Đoàn giám sát như sau:

- Ông Thái Bảo - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn;
- Bà Hoàng Thị Bích Hằng - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó trưởng đoàn thường trực;
- Bà Huỳnh Ngọc Kim Mai - Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó trưởng đoàn;
- Thành viên đoàn giám sát, gồm:

+ Ông Nguyễn Kim Phước - Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Bà Trương Thị Mỹ Dung - Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể có liên quan.

- Đại diện lãnh đạo các cơ quan, sở, ngành liên quan mời tham gia Đoàn giám sát khi đoàn giám sát tại các đơn vị, địa phương do Trưởng đoàn giám sát quyết định.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát

1. Đối tượng giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Các sở, ngành có liên quan;
- Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh (đơn vị cụ thể do Đoàn giám sát lựa chọn).

Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức khảo sát một số đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Phạm vi giám sát

Quá trình triển khai thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic trên địa bàn tỉnh.

3. Nội dung giám sát

Đánh giá kết thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic trên địa bàn tỉnh, trong đó, tập trung làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

4. Kế hoạch giám sát

- Tháng 11 năm 2023: Triển khai công tác chuẩn bị để trình Hội đồng nhân dân tỉnh (xây dựng tờ trình, dự thảo nghị quyết, kế hoạch giám sát...).

- Tháng 3 năm 2024: Đoàn giám sát triển khai thực hiện nghị quyết, xây dựng đề cương đề cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo.

- Tháng 4 đến tháng 5 năm 2024: Thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát đến các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát. Tổ chức các Đoàn đi khảo sát, giám sát trực tiếp tại các địa phương, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tháng 6 năm 2024: Đoàn giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về nội dung được giám sát.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát

- Xây dựng đề cương để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;
- Thông báo thành phần đoàn giám sát, nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.
- Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;
- Mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;
- Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;
- Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát để trình Hội đồng nhân dân xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic”

*(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND
ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2024, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch giám sát “Kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic”, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic trên địa bàn tỉnh được chặt chẽ, đầy đủ, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic trên địa bàn được đồng bộ, thống nhất, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

Đơn vị chịu sự giám sát chuẩn bị đầy đủ, kịp thời báo cáo, cung cấp tài liệu liên quan; tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn giám sát hoàn thành nhiệm vụ; giải trình, làm rõ các nội dung có liên quan đến vấn đề giám sát. Đoàn giám sát thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Nội dung giám sát

Giám sát kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic; trong đó, đánh giá làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, kiến nghị giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

2. Đối tượng giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các sở, ngành có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh (đơn vị cụ thể do Đoàn giám sát lựa chọn).

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIÁM SÁT

- Tháng 11 năm 2023: Triển khai công tác xây dựng tờ trình, dự thảo nghị quyết, kế hoạch giám sát để trình kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tháng 3 năm 2024: Đoàn giám sát triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng đề cương; thông báo chương trình và thành phần đoàn giám sát đến các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

- Tháng 4 đến tháng 5 năm 2024: Tổ chức các Đoàn đi khảo sát, giám sát trực tiếp tại các địa phương, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tháng 6 năm 2024: Đoàn giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về nội dung được giám sát.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đoàn giám sát, đơn vị chịu sự khảo sát, giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kế hoạch này; cử người có trách nhiệm tham dự các buổi khảo sát, giám sát theo thông báo của Đoàn giám sát; nếu có khó khăn, vướng mắc liên hệ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để trao đổi thống nhất.

2. Đoàn giám sát quyết định thành lập Tổ giúp việc phục vụ đoàn giám sát. Đơn vị chịu sự khảo sát, giám sát báo cáo bằng văn bản các nội dung theo đề cương của Đoàn giám sát gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (thời gian cụ thể do Đoàn giám sát thông báo); bố trí phòng họp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan để cung cấp cho Đoàn tại buổi làm việc. Mời các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan cùng tham dự buổi giám sát (đối với cấp huyện mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể huyện, các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với Ủy ban nhân dân tỉnh mời đại diện các sở, ngành, địa phương có liên quan).

3. Tổ giúp việc Đoàn giám sát có trách nhiệm tổ chức làm việc với các đơn vị chịu sự khảo sát, giám sát; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị của đơn vị chịu sự khảo sát, giám sát báo cáo Đoàn giám sát theo quy định. Tổ giúp việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và được hưởng chế độ theo quy định của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị các điều kiện và kinh phí phục vụ Đoàn giám sát.

Trên đây là kế hoạch giám sát kết quả thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistic của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 773/TTr-HĐND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh về ban hành Nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh Đồng Nai năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2024 (kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh chuẩn bị báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Tổ chức các kỳ họp thường lệ của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND
ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024 theo đúng quy định pháp luật.
- Làm cơ sở để xây dựng chương trình kỳ họp cũng như định hướng đề cơ quan, đơn vị thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định trong việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nội dung Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động chuẩn bị nội dung các kỳ họp bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.
- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp.

II. NỘI DUNG, THỜI GIAN

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024

a) Thời gian: Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 dự kiến tổ chức trong 2 ngày làm việc trong khoảng thời gian đầu tháng 7 năm 2024. Buổi sáng làm việc lúc 8 giờ 00 phút, buổi chiều làm việc lúc 13 giờ 30 phút.

b) Nội dung:

- *Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các báo cáo:* Báo cáo công tác 06 tháng đầu năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; báo cáo tình hình, kết quả 06 tháng đầu năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về: kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; thực hiện ngân sách nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; xem xét báo cáo trả lời chất vấn; báo cáo kết

quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh đã được gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 (nếu có).

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo việc tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị 6 tháng đầu năm 2024.

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua nghị quyết:

+ Thông qua các nghị quyết thường kỳ về bổ sung một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2024; điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2024; điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2024; chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024.

+ Các nghị quyết chuyên đề do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trình theo quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình thực tế của địa phương.

2. Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024

a) Thời gian: Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 dự kiến tổ chức trong 2 ngày trong khoảng thời gian đầu tháng 12 năm 2024. Buổi sáng làm việc lúc 8 giờ 00 phút, buổi chiều làm việc lúc 13 giờ 30 phút.

b) Nội dung:

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các báo cáo: Báo cáo công tác năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; báo cáo tình hình, kết quả năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về: kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; thực hiện ngân sách nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; xem xét báo cáo trả lời chất vấn; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh đã được gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 (nếu có).

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo việc tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị năm 2024.

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua nghị quyết:

+ Các nghị quyết thường kỳ về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công; giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh và mức điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước; chất vấn và trả lời chất vấn; kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025; Nghị quyết về giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025.

+ Các nghị quyết chuyên đề về các nội dung do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trình theo quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình thực tế của địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

3. Căn cứ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do các cơ quan có thẩm quyền đăng ký, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Hội nghị thống nhất nội dung, chương trình kỳ họp. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập đại biểu tham dự kỳ họp kèm dự kiến chương trình kỳ họp.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, đơn vị có chức năng xây dựng dự thảo nghị quyết (nghị quyết không phải văn bản quy phạm pháp luật), đề án, báo cáo theo nhiệm vụ, quyền hạn trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đúng quy định pháp luật. Căn cứ tính chất, nội dung trình kỳ họp, hội nghị liên tịch giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thống nhất thời gian cơ quan trình dự thảo nghị quyết, báo cáo phải gửi hồ sơ đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra để thẩm tra.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức giám sát và báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động phối hợp, tổ chức thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

7. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp việc phục vụ Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024.

Trên đây là kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 14
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND;

Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận những nội dung chất vấn và trả lời chất vấn đã tập trung vào những vấn đề quan trọng được cử tri và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đặt câu hỏi chất vấn rõ cả về nội dung và đối tượng chất vấn, đồng thời thực hiện quyền tranh luận để làm rõ vấn đề chất vấn. Việc trả lời chất vấn của người được chất vấn đã thể hiện được tinh thần thẳng thắn, trách nhiệm, nhất là những vấn đề còn hạn chế trong công tác quản lý nhà nước và thực thi pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận các giải pháp, cam kết của các sở, ngành đã trả lời đối với các nội dung đại biểu chất vấn tại kỳ họp. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, thực hiện những cam kết, các giải pháp đồng bộ để khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được chất vấn tại kỳ họp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp thường lệ tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Về trách nhiệm xét xử các vụ án dân sự kéo dài

1.1. Đánh giá

1.1.1. Thực trạng

Theo báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh, số vụ, việc dân sự chiếm tỷ lệ cao trong tổng số án Tòa án nhân dân hai cấp phải giải quyết. Cụ thể: năm 2023, Tòa án nhân

dân hai cấp đã thụ lý 20.884 vụ việc dân sự trong tổng số 25.307 án phải giải quyết, chiếm tỷ lệ 82,5%. Kết quả đã giải quyết 16.322/20.884 vụ, việc dân sự, tỷ lệ 78,16%, còn lại 4.562 vụ, việc đang giải quyết, tỷ lệ 21,84%. Số lượng án dân sự ngày càng tăng, áp lực rất lớn về thời gian giải quyết, mặc dù ngành Tòa án đã quan tâm đến việc nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra đối với các Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án dân sự nhưng vẫn còn số lượng nhiều án dân sự kéo dài để quá thời hạn chuẩn bị xét xử chưa giải quyết được.

1.1.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân dẫn đến các vụ án dân sự kéo dài để quá thời hạn chuẩn bị xét xử là do khó khăn trong quá trình thu thập, xác minh chứng cứ, các đương sự không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án; tranh chấp, mâu thuẫn có yếu tố nước ngoài; một số cơ quan, địa phương chưa kịp thời cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; hồ sơ về đất đai và việc quản lý sử dụng đất còn nhiều bất cập; số lượng án dân sự thụ lý ngày càng tăng trong khi tình hình công chức còn thiếu so với biên chế được phân bổ gây áp lực công việc rất lớn về thời gian giải quyết án... Bên cạnh đó, một số Thẩm phán mới được bổ nhiệm lần đầu chưa có kinh nghiệm xét xử, giải quyết những vụ án phức tạp cũng ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng giải quyết án dân sự của Tòa án hai cấp.

1.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để thực hiện việc giảm tỷ lệ án dân sự quá thời hạn chuẩn bị xét xử kéo dài trong thời gian tới, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

- Tòa án nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

+ Tăng cường chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/BCSD ngày 30/3/2023 của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh về tăng cường giải quyết các vụ án dân sự. Trong đó tỷ lệ giải quyết án dân sự sơ thẩm được phân công giải quyết trong năm công tác đạt 85% trở lên.

+ Thống kê, phân loại cụ thể số lượng án dân sự quá thời hạn chuẩn bị xét xử kéo dài từ 3 năm trở lên, nêu rõ nguyên nhân các vụ án kéo dài; xây dựng kế hoạch, thời gian, lộ trình, biện pháp xử lý dứt điểm có kết quả từng vụ án, vụ việc cụ thể. Thực hiện trách nhiệm báo cáo kết quả định kỳ về Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp theo dõi để thực hiện chức năng giám sát theo quy định.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh thực hiện chuyên đổi số trong thu thập thông tin, tạo cơ sở dữ liệu phục vụ trong quá trình hoạt động của Tòa án nhân dân và thụ lý, theo dõi tiến độ các vụ án, vụ việc; đổi mới thủ tục hành chính, tư pháp nhằm công khai, minh bạch các hoạt động của Tòa án tạo điều kiện cho việc giám sát của Hội đồng nhân dân và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân đối với hoạt động xét xử của Tòa án.

+ Xây dựng kế hoạch, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra đối với các Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án dân sự, nâng cao trách nhiệm của Thẩm phán, Thư ký. Tăng cường công tác kiểm tra nghiệp vụ, theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết, kịp thời phát hiện những vụ án dân sự để quá thời hạn chuẩn bị xét

xử; động viên, khen thưởng kịp thời; xử lý nghiêm đối với các cán bộ công chức khi được giao công việc nhưng vì thiếu tinh thần trách nhiệm mà không hoàn thành công việc được giao.

+ Tuyển dụng đủ nhân sự và bố trí, sử dụng cán bộ một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp.

- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố; Viện Kiểm sát nhân dân các cấp tăng cường hoạt động kiểm sát, giám sát, đặc biệt là các vụ án dân sự quá thời hạn chuẩn bị xét xử kéo dài từ 3 năm trở lên.

- Tăng cường công tác phối hợp kịp thời của các địa phương trong việc thông tin, cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở xét xử theo yêu cầu của Tòa án.

2. Việc truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thiết yếu và nhân rộng mô hình điểm kinh doanh thực phẩm an toàn tại các chợ

2.1. Đánh giá

2.1.1. Thực trạng

- Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ năm 2019 đến nay, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã xác nhận được 75 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Các chuỗi này chủ yếu cung cấp hàng hóa cho các cửa hàng tiện lợi, còn lại là các tiểu thương kinh doanh tại một số chợ trên địa bàn thành phố Long Khánh. Lũy kế đến thời điểm hiện nay, số điểm kinh doanh thực phẩm an toàn theo chuỗi tại chợ trên địa bàn tỉnh là 110 điểm, chưa đạt mục tiêu¹ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 7189/UBND-KT ngày 24/7/2017 về kinh phí thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn tỉnh.

- Về nội dung xây dựng lộ trình, kế hoạch để truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thiết yếu tại các chợ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 về phê duyệt Dự án truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025. Kết quả, trong giai đoạn 2021 - 2023, số lượng các đơn vị đã đăng ký tham gia dự án còn hạn chế, cụ thể kênh phân phối hiện đại (04 siêu thị; 19 cửa hàng tiện lợi)² và kênh phân phối truyền thống (11 chợ trên địa bàn tỉnh)³.

2.1.2. Nguyên nhân

- Mô hình điểm kinh doanh thực phẩm an toàn theo hình thức chuỗi liên kết hoặc chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn tại các chợ là hình thức tự nguyện; công tác tuyên truyền, vận động của cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế nên các tiểu thương chưa hiểu rõ về quyền lợi khi xây dựng điểm bán thực phẩm an toàn; việc vận

¹ Theo nội dung Công văn số 7189/UBND-KT, UBND tỉnh giao UBND các huyện, thành phố từ năm 2018 trở đi chủ động lập kế hoạch, cân đối và bố trí kinh phí để thực hiện tối thiểu từ 30 đến 50 điểm/năm để phục vụ nhu cầu người tiêu dùng và hỗ trợ người nông dân chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất đạt chuẩn sạch an toàn theo quy định.

² 04 siêu thị: Big C Đồng Nai, Big C Tân Hiệp, Winmart Long Thành, MM Mega Market; 19 cửa hàng tiện lợi thuộc chuỗi Co.op Food, Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P, Công ty TNHH Thực phẩm Sạch Bát Giới

³ Chợ Phương Lâm - Tân Phú (03 tiểu thương), chợ Long Thành (03 tiểu thương), chợ Phước Thái - Long Thành (03 tiểu thương), chợ Bảo Hòa - Xuân Lộc (29 tiểu thương), chợ Suối Cát - Xuân Lộc (03 tiểu thương), chợ Hóa An - Biên Hòa (03 tiểu thương), chợ Dầu Giây - Thống Nhất (03 tiểu thương), chợ Đồng Hòa - Trảng Bom (03 tiểu thương), chợ Vĩnh An - Vĩnh Cửu (03 tiểu thương), chợ Xuân Thanh - Long Khánh (03 tiểu thương), chợ Xuân Quế - Cẩm Mỹ (03 tiểu thương).

động tiêu thương tự nguyện tham gia chuỗi còn hạn chế do liên quan đến chi phí và thủ tục trong quá trình thực hiện, thực tế việc được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc chứng nhận VietGap yêu cầu phải chứng minh được nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, tuy nhiên nguồn cung cấp hàng hóa chủ yếu từ chợ đầu mối, qua nhiều trung gian.

- Về truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thiết yếu tại các chợ, nguyên nhân chính do người tiêu dùng chưa quan tâm đến thông tin truy xuất về nguồn gốc sản phẩm; các đơn vị phân phối hiện đại và truyền thống trên địa bàn tỉnh chưa thật sự quan tâm đến việc tham gia dự án; một số đơn vị phân phối, tổ chức và cá nhân đăng ký thực hiện dự án chưa thấy được lợi ích mà dự án mang lại. Hiện nay chưa có chế tài hay quy định xử phạt, Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, khuyến khích, động viên các đơn vị tham gia.

2.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo sâu sát, giao trách nhiệm cho các đơn vị liên quan và địa phương thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng Đề án truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thiết yếu tại các chợ; xây dựng phòng Lab kiểm định chất lượng sản phẩm thiết yếu, nhất là tại các chợ truyền thống; số hóa dữ liệu đảm bảo minh bạch, công khai các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa đảm bảo an toàn sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng; đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm sạch để tiêu thụ hàng ngày trên địa bàn tỉnh giúp người tiêu dùng yên tâm lựa chọn sản phẩm.

- Tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình điểm kinh doanh thực phẩm an toàn theo hình thức chuỗi liên kết hoặc chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn tại các chợ trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện quy trình xác nhận điểm kinh doanh thực phẩm an toàn theo chuỗi quy định tại Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/7/2016 của Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn.

- Tuyên truyền sâu rộng đến người dân để có ý thức tiêu thụ các sản phẩm an toàn thực phẩm, có truy xuất nguồn gốc; tiếp tục tuyên truyền, vận động tiêu thương tham gia kinh doanh thực phẩm an toàn theo chuỗi tại các chợ; các đơn vị phân phối hiện đại và chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh tham gia thực hiện dự án truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu; lựa chọn các xã có chợ trong quy hoạch đăng ký xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 để tham gia Dự án.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát liên ngành các cấp về an toàn thực phẩm; trong quá trình kiểm tra, khuyến khích áp dụng các giải pháp công nghệ trong hệ thống truy xuất nguồn gốc của cơ sở (tem truy xuất nguồn gốc thay cho hồ sơ giấy, thiết bị test nhanh, quét mã QR...); thực hiện kiểm tra và hỗ trợ việc dán tem truy xuất của các tiêu thương tham gia dự án. Thiết lập đường dây nóng thu thập ý kiến phản ánh của người dân về chất lượng sản phẩm; kịp thời động viên, khen thưởng cá nhân, đơn vị thực hiện tốt, đồng thời với việc xử phạt hành chính, xét xử công khai, lưu động các vụ vi phạm pháp luật vệ sinh an toàn thực phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng nhằm tuyên truyền, giáo dục, răn đe, phòng ngừa hành vi vi phạm.

3. Giải pháp kiểm chế kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh

3.1. Đánh giá

3.1.1. Thực trạng

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ đầu năm 2023 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quán triệt, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và của Tỉnh ủy, công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh được tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị mà lực lượng Công an là nòng cốt với mục tiêu “siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông”, một số mặt công tác đã có sự chuyển biến tích cực, đã khởi tố vụ án nhằm xử lý nghiêm một số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, thực tế tình hình tai nạn giao thông được kéo giảm nhưng tình hình trật tự an toàn giao thông, nhất là tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, một số tuyến đường (đặc biệt là các tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 51, Quốc lộ 20) xảy ra các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

3.1.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân của thực trạng nêu trên do: Sự phát triển của hạ tầng giao thông nhìn chung chưa tương xứng với sự gia tăng không ngừng của các loại phương tiện⁴; ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông của người dân vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là các lỗi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông chiếm tỷ lệ cao⁵; có tình trạng doanh nghiệp vận tải buông lỏng quản lý lái xe, thiếu kiểm tra định kỳ phương tiện, coi nới thùng xe; công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông, nhất là công tác điều tiết, phân luồng tổ chức giao thông có điểm chưa hợp lý, đặc biệt trên tuyến Quốc lộ 51; xử lý vi phạm qua hệ thống camera còn hạn chế; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông chưa thật sự hiệu quả; hiệu quả công tác xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông của các lực lượng chức năng có nơi, có lúc chưa tương xứng với đặc điểm, tình hình, chưa thật sự đủ mạnh, quyết liệt để người dân không dám vi phạm.

3.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để từng bước kiểm chế kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí theo chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện đảm bảo các nội dung sau:

- Tiếp tục bám sát và triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về các chủ trương, giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong những tháng cuối năm 2023 và nghiên cứu, chủ động xác định những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong năm 2024.

⁴ Theo thống kê, tính đến tháng 11/2023, toàn tỉnh có trên 246.000 xe ô tô, gần 2,7 triệu xe mô tô, gắn máy các loại, chưa kể số lượng các phương tiện thô sơ, cùng với lưu lượng xe ngoại tỉnh rất lớn đi qua các tuyến đường trên địa bàn tỉnh; bình quân hàng năm đăng ký mới trên 11.000 xe ô tô và 61.000 xe mô tô, gắn máy.

⁵ như: Vi phạm tốc độ, vi phạm quy tắc tránh vượt, chuyển hướng, vi phạm quy định về giới hạn nồng độ cồn, lái xe sử dụng ma túy, đi ngược chiều,...

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, bảo đảm phù hợp từng đối tượng, từng địa phương để nâng cao ý thức của người tham gia giao thông. Phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng, đưa ra xét xử công khai, lưu động các vụ tai nạn giao thông mà người điều khiển phương tiện vi phạm nồng độ cồn, ma túy... nhằm cảnh báo, răn đe, phòng ngừa chung.

- Rà soát, đánh giá lại các “điểm đen” về tai nạn giao thông, những vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông để kiến nghị, đề xuất với các cơ quan, ban, ngành chức năng và đề ra giải pháp khắc phục kịp thời.

- Đẩy mạnh hoạt động tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, tập trung xử lý các vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông, các doanh nghiệp kinh doanh vận tải vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn giao thông. Trước mắt, chỉ đạo triển khai Kế hoạch mở cao điểm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông dịp Tết Dương lịch, trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; huy động tối đa lực lượng, phương tiện bảo đảm an toàn, phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội, nhu cầu đi lại của người dân dịp cuối năm nhằm giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ năm 2023.

4. Về nâng cao chất lượng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ

4.1. Đánh giá

4.1.1. Thực trạng

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong giai đoạn 2016 - 2023, trên địa bàn tỉnh có 75/172 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở⁶ (cấp huyện, cấp ngành) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Các đề tài dự án thuộc 06 chương trình mục tiêu tổng hợp đã xây dựng trong Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được chuyển giao chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai xây dựng kế hoạch ứng dụng hoặc đơn vị tiếp nhận thiếu nguồn nhân lực, kinh phí và cơ sở vật chất, trang thiết bị để khai thác các kết quả nghiên cứu; tỷ lệ đề tài, dự án chuyển giao để ứng dụng, kết quả còn hạn chế, tỷ lệ đạt rất thấp, chỉ có 25/92/108 nhiệm vụ khoa học công nghệ được tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa vào ứng dụng thực tế. Nhiều đề tài, dự án khoa học, công nghệ chậm tiến độ, khả năng nhân rộng ứng dụng không cao; tỷ lệ giải ngân kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ còn thấp, năm 2021 đạt 50,19%; năm 2022 đạt 29,08%. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa làm rõ được trách nhiệm của cơ quan chủ trì đề tài trong việc đánh giá kết quả nghiệm thu đề tài và trách nhiệm đối với kết quả thực hiện đề tài.

4.1.2. Nguyên nhân

- Việc ứng dụng các đề tài, dự án vào thực tiễn không mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội nên không đáp ứng nhu cầu của người được thụ hưởng.

⁶ Trong đó có 45 đề tài, dự án cấp tỉnh, 30 đề tài, dự án cấp cơ sở; 57 đề tài, dự án dừng và không triển khai (không tuyển chọn được tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện)

- Lãnh đạo sở, ngành, địa phương chưa quan tâm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

- Thiếu cơ chế để thực hiện việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học; thiếu sự phối hợp, liên kết với doanh nghiệp nhằm huy động nguồn lực ngoài xã hội.

4.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Nhằm nâng cao chất lượng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, đảm bảo khả năng ứng dụng vào thực tiễn trong thời gian tới, hạn chế lãng phí ngân sách nhà nước, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

- Thống kê cụ thể đề tài, dự án của các tổ chức, cá nhân đang triển khai có hiệu quả trên địa bàn tỉnh để nhân rộng mô hình trong thời gian tới. Triển khai thực hiện các giải pháp thiết thực và hiệu quả để chuyển giao, ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

- Tăng cường, đẩy nhanh tiến độ xác lập hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện giải ngân hiệu quả kinh phí khoa học và công nghệ được giao hàng năm; tập trung nguồn lực tài chính phục vụ triển khai các nội dung ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận kết quả ứng dụng và các tổ chức, cá nhân chủ trì lựa chọn và thực hiện đề tài, dự án khoa học công nghệ phù hợp thực tiễn đặt ra, mang tính đột phá trong định hướng phát triển khoa học công nghệ của tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp, liên kết các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài tỉnh với các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh để đảm bảo khi đặt hàng/đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bám sát nhu cầu thực tế của ngành, của địa phương. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần xác định rõ mục tiêu cụ thể; các kết quả và sản phẩm nghiên cứu cần có chỉ tiêu định tính, định lượng cụ thể. Ưu tiên những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu, mang tính ứng dụng thực tế cao, ứng dụng công nghệ cao, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của ngành, địa phương, có tính liên ngành, liên vùng phù hợp với định hướng các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm của tỉnh.

- Nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì, cơ quan thẩm định thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, bảo đảm các đề tài nghiên cứu khoa học khi được nghiệm thu phải được chuyển giao, ứng dụng trong thực tiễn, không để lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động nghiên cứu của khoa học.

5. Về giải pháp để kéo giảm số người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị trong thời gian tới

5.1. Đánh giá

5.1.1. Thực trạng

Trong năm 2023, số lượt công dân đến các cơ quan để khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị tăng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tập trung tại các đơn vị, địa

phương: Ủy ban nhân dân tỉnh (tăng 320 lượt tương đương tăng 65%). Cấp sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội (tăng 141 lượt tương đương tăng 55%), Tư pháp (tăng 07 lượt tương đương tăng 233%), Xây dựng (tăng 22 lượt tương đương tăng 147%), Thanh tra tỉnh (tăng 41 lượt tương đương tăng 98%). Cấp huyện: Định Quán (tăng 109 lượt tương đương tăng 55%), Trảng Bom (tăng 26 lượt tương đương tăng 13%). Cấp xã: Biên Hòa (tăng 645 lượt tương đương tăng 992%), Cẩm Mỹ (tăng 203 lượt tương đương tăng 812%), Định Quán (tăng 645 lượt tương đương tăng 992%), Long Thành (tăng 291 lượt tương đương tăng 41%), Tân Phú (tăng 285 lượt tương đương tăng 100%), Thống Nhất (tăng 159 lượt tương đương tăng 513%). Trong đó, nổi lên là liên quan các dự án bất động sản, nhà ở, thương mại trên địa bàn tỉnh tập trung khiếu kiện đông người gây bức xúc trong dư luận.

5.1.2. Nguyên nhân

Ngoài nguyên nhân khách quan về cơ chế, chính sách còn một số điểm chưa phù hợp với thực tế, thiếu tính ổn định, nhất là trong lĩnh vực đất đai, nhà ở;... thì nguyên nhân chủ quan xuất phát từ những tồn tại, hạn chế trong trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, trong công tác quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng, đất đai... của các ngành, địa phương và chưa kịp thời phát hiện để xử lý, chấn chỉnh.

5.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để kéo giảm số người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị trong thời gian tới, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

- Chú trọng tiếp công dân tại cơ sở, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của người dân; phân công, bố trí lãnh đạo tiếp công dân theo quy định của pháp luật; chủ động đối thoại, nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh để đề xuất biện pháp xử lý kịp thời. Hệ thống ngành Thanh tra từ cấp tỉnh đến cơ sở chủ động thực hiện tốt chức năng tham mưu, thường xuyên tiến hành kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cấp dưới trong việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Có giải pháp nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo để cố ý vi phạm pháp luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục chính sách pháp luật về đất đai và các văn bản luật khác liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo, đồng thời giải thích rõ ý nghĩa và lợi ích khi thực hiện các dự án để công dân hiểu đúng và tự giác chấp hành chủ trương của nhà nước; đặc biệt là tăng cường công khai, minh bạch, phát huy dân chủ trong triển khai thực hiện chủ trương, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhằm tạo được sự đồng thuận trong nhân dân.

- Chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước để khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng,... thực hiện tốt chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quan tâm giải quyết việc làm cho người dân có đất bị thu hồi, đảm bảo có cuộc sống bằng hoặc tốt

hơn trước. Xử lý nghiêm các nhà đầu tư lĩnh vực bất động sản vi phạm các quy định pháp luật để dẫn đến công dân có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tụ tập đông người có nguy cơ phát sinh thành “điểm nóng”, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát hồ sơ pháp lý dự án; kiểm tra việc chấp hành pháp luật của chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện dự án; xác định nguyên nhân, nghẽn khâu nào gỡ khâu đó theo hướng hài hòa lợi ích của các bên và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nhất là tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ cấp cơ sở) để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác này.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống phần mềm xử lý thông tin thống nhất về khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh, tránh chồng chéo trong quá trình thụ lý, giải quyết.

6. Về thực hiện quy hoạch dự án Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh

6.1. Đánh giá

6.1.1. Thực trạng

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ.CT.UBT ngày 15/01/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ: 1/500 Khu liên hợp Thể dục Thể thao tỉnh Đồng Nai với quy mô diện tích 45,75 ha. Theo quy hoạch phân khu 1/2000 toàn phường Tân Hiệp được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 thì Khu liên hợp Thể dục Thể thao có sự thay đổi về ranh giới và quy mô diện tích (giảm từ 45,75 ha xuống còn 43,75 ha); Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì diện tích Khu liên hợp thể dục thể thao 43,75 ha. Trong đó có 12,36 ha nằm trong khu vực quy hoạch Khu liên hợp thể dục thể thao đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao trực tiếp quản lý sử dụng và đã thực hiện xây dựng các công trình thể dục thể thao trên đất gồm Sân vận động Đồng Nai, Sân bóng đá mini, 02 hồ bơi; một số thửa đất sau khi chuyển mục đích sử dụng để xây dựng một số công trình như: Trường Đại học Đồng Nai, Trường THPT Lương Thế Vinh..., phần đất còn lại đã bị lấn chiếm xây dựng công trình trái phép.

6.1.2. Nguyên nhân

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc một số công trình thể dục thể thao chưa tiến hành xây dựng được với nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan trong đó vấn đề chính là kinh phí bồi thường giải tỏa các hộ dân, bố trí tái định cư và nguồn vốn xây dựng các công trình thể dục thể thao tại Khu liên hợp thể dục thể thao. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa xác định được trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc chậm tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch và công tác quản lý nhà nước

về quy hoạch tại địa phương để tình trạng phần đất còn lại đã bị lấn chiếm xây dựng công trình trái phép.

6.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả đối với dự án Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

- Rà soát toàn bộ dự án Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án; xây dựng kế hoạch, xác định thời gian cụ thể và phương án xử lý đối với các trường hợp lấn chiếm phần diện tích đất đã được quy hoạch là đất xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao đảm bảo đúng quy định.

- Rà soát quy hoạch có liên quan để sớm có kế hoạch sử dụng khu đất nhà nước đang quản lý đã được quy hoạch là đất xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao, tránh tình trạng gây lãng phí hiệu quả sử dụng đất.

- Rà soát nguồn kinh phí để triển khai dự án, tránh thất thoát, lãng phí, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Xác định trách nhiệm và có giải pháp xử lý đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân trong việc chậm tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch và công tác quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương.

7. Về khai thác tiềm năng du lịch trên địa bàn tỉnh

7.1. Đánh giá

7.1.1. Thực trạng

Xét về lợi thế vị trí địa lý và thổ nhưỡng, Đồng Nai nằm ở cửa ngõ kết nối các vùng, trong tương lai có Cảng hàng không quốc tế Long Thành cùng hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt có quy mô kết nối cấp vùng; có diện tích trái cây lớn, vườn cây trái trải dài, xứng danh “thủ phủ trái cây”. Tuy nhiên, lượng khách đến còn hạn chế, việc tổ chức các hoạt động du lịch còn mang tính tự phát, đơn lẻ thiếu tính liên kết; thiếu những sản phẩm du lịch cần sự liên kết sâu, tạo sự phát triển bền vững cho ngành Du lịch.

7.1.2. Nguyên nhân

Sản phẩm du lịch của tỉnh trong thời gian qua nhìn chung chưa đồng bộ, chưa thật sự hấp dẫn, thiếu tính chuyên nghiệp; việc huy động các nguồn lực để phát triển du lịch còn hạn chế do gặp khó khăn về quy hoạch, đất đai; các đơn vị kinh doanh du lịch chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ nên nguồn lực còn hạn chế; đội ngũ làm công tác quảng bá, xúc tiến du lịch còn thiếu về số lượng và chất lượng nên ảnh hưởng đến hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và địa phương trong việc phát triển du lịch.

7.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để ngành Du lịch của tỉnh Đồng Nai trở thành ngành kinh tế quan trọng theo Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh, trong thời gian tới, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện hiệu quả một số nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quảng bá, xúc tiến ngành Du lịch của tỉnh, có phương án cụ thể cho từng vùng, lĩnh vực để khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của tỉnh. Tập trung phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chú trọng việc xây dựng du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, nông thôn và văn hóa là điểm nhấn và là thương hiệu du lịch Đồng Nai để nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch và sức cạnh tranh của du lịch Đồng Nai.

- Ưu tiên đầu tư các tuyến đường giao thông gắn với các khu, điểm du lịch trọng điểm tạo thuận lợi cho người dân và du khách trong việc đi lại, góp phần hoàn thiện hạ tầng du lịch, tạo động lực để thu hút các nhà đầu tư.

- Nghiên cứu ban hành hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phù hợp trong khuyến khích đầu tư phát triển du lịch, nhất là đối với các loại hình du lịch có nhiều tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

8. Về xử lý các khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng để tạo tiền đề cho sự phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2030

8.1. Đánh giá

8.1.1. Thực trạng

Tỉnh Đồng Nai có 33 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích hơn 10.514 ha. Trong đó, có 31 khu công nghiệp đang hoạt động, 01 khu công nghiệp vừa khởi công tháng 7/2023 (khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành), 01 khu công nghiệp được thành lập tháng 7/2023 (khu công nghiệp Long Đức 3). Đến nay 32/33 khu công nghiệp Đồng Nai đã cho thuê được 6.021 ha, đạt 85,38% diện tích đất cho thuê (7.033 ha). Diện tích đất công nghiệp sẵn sàng cho thuê còn lại còn hạn chế, chưa đáp ứng diện tích đất quy mô lớn để thu hút đầu tư.

8.1.2. Nguyên nhân

Đối với các khu công nghiệp đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thủ tục thẩm định kéo dài do phải xác định nguồn gốc đất, cơ sở pháp lý việc lựa chọn nhà đầu tư và giao đất không thông qua đấu giá, đấu thầu; hiện có 10 khu công nghiệp đang vướng mắc trong công tác bồi thường giải tỏa với tổng diện tích đất khoảng 722,1 ha, chủ yếu tập trung tại các khu công nghiệp: Hồ Nai (96,92 ha, bao gồm cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2), Sông Mây (khoảng 161 ha, bao gồm cả giai đoạn 1 và giai đoạn 2), Long Thành (2,17ha), Thạnh Phú (45,1 ha), Ông Kèo (206,7 ha), An Phước (2,9 ha), Bàu Xéo (18,8 ha), Giang Điền (0,62 ha), Công nghệ cao Long Thành (163 ha), Amata (25,31 ha). Nguyên nhân chủ yếu là do các hộ dân không đồng ý nhận tiền bồi thường, chưa bố trí được các lô tái định cư cho các hộ dân sau khi thu hồi đất.

8.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để thực hiện đảm bảo kế hoạch đầu tư các khu công nghiệp đến năm 2030, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian tới tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất chưa được bàn giao để đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động người dân chấp hành chủ trương của nhà nước, đồng thời việc xác định giá đất để bồi thường và các chính sách khác có liên quan để hỗ trợ cho người bị thu hồi đất, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người dân, doanh nghiệp và đúng quy định của pháp luật; đảm bảo bố trí tái định cư cho các hộ dân trước khi thu hồi đất thực hiện dự án.

- Rà soát hồ sơ quy hoạch, căn cứ các quy định pháp luật có liên quan kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét việc bổ sung thêm chỉ tiêu đất khu công nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá cụ thể, chi tiết từng khu công nghiệp dự kiến bổ sung, thuận lợi, khó khăn, cơ sở đề xuất; nghiên cứu, đề xuất bố trí, quy hoạch các khu kinh tế chuyên biệt, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao để thu hút đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục pháp lý về thành lập/mở rộng khu công nghiệp, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. Kịp thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, đơn vị có thẩm quyền phương hướng, giải pháp để kịp thời chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách và những vấn đề có liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện dự án.

9. Về công tác cải cách hành chính

9.1. Đánh giá

9.1.1. Thực trạng

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã được tập trung thực hiện trên nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương tuy nhiên hiệu quả chưa đáp ứng được yêu cầu như mong muốn; một số địa phương giải quyết hồ sơ trực tuyến tỷ lệ chưa đạt trên 30%; cán bộ, công chức chưa chấp hành nghiêm kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc và chưa đảm bảo việc sử dụng chữ ký số theo yêu cầu; trong khi công tác cải cách hành chính có liên quan mật thiết đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, là một nhiệm vụ được cả hệ thống chính trị và người dân đặc biệt quan tâm. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

9.1.2. Nguyên nhân

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính ở một số nơi vẫn chưa thực sự quyết liệt; cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ; một số bộ thủ tục hành chính chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung; một bộ phận người dân còn giữ thói quen nộp hồ sơ trực tiếp và việc sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; việc triển khai dịch vụ công trực tuyến cho một số ngành chưa

hiệu quả do thành phần hồ sơ còn phức tạp hoặc tính pháp lý của hồ sơ điện tử chưa được quy định cụ thể (như hồ sơ lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư,...).

9.2. Giải pháp và trách nhiệm thực hiện

Để thực hiện tốt hơn nữa công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện các nội dung sau:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra việc triển khai cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc; quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Phát huy trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, khắc phục tình trạng giao khoán cho cấp phó người đứng đầu, giao khoán việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính cho công chức tham mưu giúp việc.

- Thường xuyên tiếp thu ý kiến của người dân, doanh nghiệp thông qua công tác tiếp dân, tiếp xúc cử tri, gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp... để kịp thời hoàn thiện các cơ chế, chính sách, cải thiện các quy trình thủ tục, qua đó nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường sự phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết các công việc có liên quan và được cụ thể hóa bằng những quy định, quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính, trách nhiệm công vụ; nhất là đôn đốc xử lý hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân.

- Tập trung cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy trình thủ tục; phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin để gia tăng tiện ích cho người dân, trước hết là tập trung vào các dịch vụ hành chính công có tần suất thực hiện lớn, thiết thực với số đông người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai nghiêm túc nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch của tỉnh; nhất là việc điều hành, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến cho người dân.

- Khẩn trương xây dựng Đề án thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thời hạn khắc phục hạn chế và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về chất vấn

Thời hạn khắc phục những hạn chế được xác định tại Nghị quyết này thực hiện trong thời gian 06 tháng đầu năm 2024. Đối với các nội dung cần có thời gian thực hiện (thuộc các chỉ tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn) thì báo cáo kết quả tại kỳ họp cuối năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân chỉ đạo, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả tại kỳ họp giữa năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp giữa năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát, vận động các tổ chức, nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>